

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VWFF TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ 5

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển trợ giúp pháp lý 5

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển trợ giúp pháp lý trên thế giới 5

1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp pháp lý Việt Nam 7

1.2. Mô hình trợ giúp pháp lý 13

1.2.1. Mô hình trợ giúp pháp lý trên thế giới 13

1.2.2. Mô hình trợ giúp pháp lý ở Việt Nam 15

1.3. Các khái niệm cơ bản 16

1.3.1. Trợ giúp pháp lý 16

1.3.2. Người yếu thế 20

1.4. Vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế 25

1.4.1. Trợ giúp pháp lý nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận với pháp luật cho nhóm người yếu thế 25

1.4.2. Trợ giúp pháp lý giúp nhóm người yếu thế bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp 25

1.4.3. Trợ giúp pháp lý góp phần ổn định trật tự xã hội 26

1.4.4. Trợ giúp pháp lý là một hình thức thực hiện hóa quyền con người 26

1.5. Nội dung pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở Việt Nam 27

1.5.1. Các hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý 27

1.5.2. Chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý 29

1.5.3. Lĩnh vực pháp luật được trợ giúp pháp lý 36

1.5.4. Đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý 38

Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG..... 10

| | |
|---|----|
| 2.1. Đặc điểm tình hình chung của tỉnh Bắc Giang | 10 |
| 2.1.1. Điều kiện tự nhiên | 10 |
| 2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội | 10 |
| 2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thể ở tỉnh Bắc Giang | 11 |
| 2.2.1. Về xây dựng và cụ thể hóa các văn bản pháp luật của tỉnh Bắc Giang về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thể..... | 11 |
| 2.2.2. Về nhóm người yếu thể được TGPL | 11 |
| 2.2.3. Về chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thể..... | 11 |
| 2.2.4. Về hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý | 13 |
| 2.2.5. Hoạt động đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý | 14 |
| Kết luận chương 2 | 14 |

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG..... 15

| | |
|--|----|
| 3.1. Về quan điểm và phương hướng để nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thể ở tỉnh Bắc Giang..... | 15 |
| 3.1.1. Quan điểm | 15 |
| 3.1.2. Phương hướng chung | 15 |
| 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thể | 16 |
| 3.2.1. Sửa đổi khái niệm về trợ giúp pháp lý | 16 |
| 3.2.2. Sửa đổi, bổ sung đối tượng thuộc nhóm người yếu thể được trợ giúp pháp lý | 16 |
| 3.2.3. Bổ sung tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý | 16 |
| 3.2.4. Thu hẹp hình thức trợ giúp pháp lý | 16 |
| 3.2.5. Sửa đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý..... | 17 |
| 3.2.6. Xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý công khai, minh bạch và hiệu quả | 17 |

| | |
|---|----|
| 3.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế tại tỉnh Bắc Giang | 17 |
| 3.3.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy | 17 |
| 3.3.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trợ giúp viên pháp lý | 17 |
| 3.3.3. Tăng cường khả năng tiếp cận hoạt động trợ giúp pháp lý của nhóm người yếu thế | 18 |
| 3.3.4. Đẩy mạnh công tác truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý | 18 |
| 3.3.5. Trung tâm Trợ giúp pháp lý cần chủ động đến với nhóm người yếu thế..... | 18 |
| 3.3.6. Nâng cao nhận thức về Trợ giúp pháp lý | 18 |
| 3.3.7. Nâng cao vai trò của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước và tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý | 19 |
| 3.3.8. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong việc thực hiện hoạt động về trợ giúp pháp lý | 19 |
| 3.3.9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động Trợ giúp pháp lý | 19 |
| Kết luận chương 3 | 20 |
| KẾT LUẬN | 21 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 22 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác trợ giúp pháp lý trong thời gian qua đã khẳng định vị trí của hoạt động này trong công tác Tư pháp và sự ra đời của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 là đúng đắn, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm công bằng, trở thành cầu nối giữa chính quyền và nhân dân; nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân; đồng thời góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý đặc biệt là quyền lợi của nhóm người yếu thế.

Tuy nhiên, thực tiễn xã hội đã phản ánh những bất cập, thiếu sót trong lĩnh vực pháp luật trợ giúp pháp lý. Ở tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ người yếu thế còn khá lớn và nhu cầu thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý tương đối cao. Nhóm người yếu thế luôn dành được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và các Sở ban ngành. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang vẫn có những khó khăn, vướng mắc như về hình thức trợ giúp pháp lý còn dàn trải, nhiều đối tượng là người yếu thế nhưng lại không thuộc diện trợ giúp pháp lý theo pháp luật...

Việc nghiên cứu, đánh giá pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” không chỉ có tính cấp thiết về mặt lý luận mà còn là đòi hỏi thực tiễn nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại của hệ thống trợ giúp pháp lý Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, trợ giúp pháp lý trở thành mối quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu, học giả. Nhìn chung những công trình này đều chưa đựng hàm lượng khoa học giá trị về hoạt động trợ giúp pháp lý, thông qua cách nhìn nhận, phân tích một cách toàn diện các quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang vẫn là một đề tài tương đối mới mẻ và rất cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn để từ đó làm sáng tỏ vai trò của trợ giúp đối với nhóm người yếu thế đồng thời đánh giá về các quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế, thực trạng hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và đưa ra các giải pháp để hoàn

thiện pháp luật và nâng cao vai trò của hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ của đề tài

Luận văn có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề sau:

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận, nội dung pháp luật về hoạt động trợ giúp pháp lý.
- Phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế.
- Phân tích và đánh giá thực tiễn tại tỉnh Bắc Giang về hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế.
- Đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hiện hành và nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

4. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực trạng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế và thực trạng hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng phương pháp chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử kết hợp với phương pháp phân tích, so sánh, thống kê để giải quyết những vấn đề lý luận, các quy định pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở tỉnh Bắc Giang.

6. Tính mới của đề tài

Đây là công trình nghiên cứu về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế tương đối đầy đủ, toàn diện. Những đóng góp về mặt khoa học của luận văn được thể hiện ở một số điểm sau:

- Một là, phân tích, làm rõ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế.
- Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở Bắc Giang.
- Ba là, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp khác nhằm nâng cao hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Từ những phân tích, đánh giá về các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành pháp luật ở Bắc Giang và các giải pháp, tác giả mong muốn đóng góp một

phần công sức nhỏ bé tới hoạt động Trợ giúp pháp lý nói chung và ở tỉnh Bắc Giang nói riêng

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về trợ giúp pháp lý và pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế

Chương 2. Thực trạng hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Chương 3. Một số giải pháp nâng cao hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển trợ giúp pháp lý

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp pháp lý trên thế giới

TGPL là hoạt động mang tính từ thiện được khởi nguồn từ A-Then cổ đại vào thế kỷ thứ V trước Công nguyên [13tr30]. Ở các nước trên thế giới, hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người yếu thế bắt đầu hình thành và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của Nhà nước tư sản và được coi là chức năng xã hội của nhà nước, là một trong những tiêu chí bảo vệ quyền con người của nhà nước pháp quyền.

Năm 1965, Chính phủ một số nước đã phát động một phong trào thành lập các “Văn phòng pháp luật tình nghĩa” để đấu tranh chống ảnh hưởng của nghèo đói. Các văn phòng này được đặt ở những khu vực đông người dân nghèo và có nhân viên chuyên về các lĩnh vực pháp luật liên quan đến người nghèo.

1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của trợ giúp pháp lý Việt Nam

1.1.2.1. Giai đoạn trước năm 1987

Từ năm 1945 đến năm 1987, hoạt động giúp đỡ pháp luật gắn liền với hoạt động của luật sư và cơ quan tư pháp. Trên nền tảng Hiến pháp năm 1946, các bản Hiến pháp 1959, 1980 vấn đề “tư pháp bảo trợ” được tiếp tục thể hiện gắn với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Nhìn chung, dịch vụ trợ giúp pháp lý ở giai đoạn này đã thể hiện sâu sắc bản chất “dân chủ” của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa non trẻ.

1.1.2.2. Giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1997

Pháp lệnh tổ chức Luật sư năm 1987 và Nghị định số 15/HĐBT ngày 21/2/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy chế Đoàn Luật sư đã xác định một số vụ việc Luật sư thực hiện giúp đỡ cho đối tượng mà không được thu phí. Cùng với đó là Công văn số 870/CV-LSTV ngày 23/10/1989 của Bộ Tư pháp cho phép Hội Luật gia và các Đoàn Luật sư được mở văn phòng tư vấn pháp luật nhằm giúp đỡ pháp luật cho các đối tượng, trong đó có một số vụ việc giúp đỡ miễn phí. Các văn

bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của các hoạt động TGPL xã hội do luật sư thực hiện.

Ngày 06/9/1997, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đối tượng chính sách; thành lập Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp.

1.1.2.3. Giai đoạn từ 1997 đến 2006

Theo thời gian, TGPL đã được tiếp tục khẳng định trong đường lối và chính sách của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Ngày 29/6/2006, dấu mốc quan trọng trong hoạt động lập pháp về quy định pháp luật là Quốc hội đã thông qua Luật Luật sư và Luật Trợ giúp pháp lý. Sự ra đời của hai đạo luật này đã thể hiện được chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giúp đỡ pháp luật, hỗ trợ về mặt pháp lý.

1.1.2.4. Giai đoạn 2007 đến nay

Ngày 12/01/2007 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý. Năm 2013, để khắc phục một số hạn chế, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

1.2. Mô hình trợ giúp pháp lý

1.2.1. Mô hình trợ giúp pháp lý trên thế giới

Trên thế giới hiện nay tồn tại 3 mô hình TGPL khác nhau. Tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội của mỗi nước để xây dựng mô hình TGPL phù hợp. Các mô hình TGPL phổ biến tồn tại cho đến nay gồm:

1.2.1.1. Mô hình từ thiện

Đây là mô hình được xem là sơ khai nhất, hình thành vào giữa thế kỷ XIX ở Đức, Anh, Pháp, Ireland...[13,tr35] Mô hình này có một số đặc điểm đó là: (1) mang tính tự phát: hoạt động TGPL chủ yếu do các luật sư tư hành nghề tự do thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc; (2) hoàn toàn miễn phí; (3) mang tính nhân đạo: vì hoạt động TGPL phụ thuộc vào lòng từ thiện của luật sư và các tổ chức tư vấn.

1.2.1.2. Mô hình luật sư trợ giúp được trả lương từ ngân sách nhà nước

Đặc điểm chung của mô hình này là hoạt động TGPL được thực hiện miễn phí, toàn bộ chi phí cho hoạt động TGPL do ngân sách nhà nước cấp; đội ngũ luật sư nhà

nước và luật sư tự thực hiện TGPL được nhà nước trả lương cố định, mà không hưởng lương theo vụ việc; đối tượng được TGPL không được lựa chọn luật sư mà do cơ quan quản lý luật sư cử. Trên thế giới, nhiều nước đã áp dụng mô hình luật sư nhà nước như: Philippines, Hàn Quốc,....

1.2.1.3. Mô hình hỗn hợp

Là mô hình kết hợp giữa hoạt động TGPL do tổ chức TGPL của nhà nước (luật sư nhà nước) thực hiện và do tổ chức luật sư tự thực hiện, được nhà nước tài trợ hoặc do các luật sư tự thực hiện trên cơ sở tự nguyện (mang tính từ thiện), nhưng được pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện. Mô hình này được áp dụng phổ biến ở các nước như: Nhật, Canada, Úc,...[13,tr37]

1.2.2. Mô hình trợ giúp pháp lý ở Việt Nam

Ở Việt Nam, tổ chức và hoạt động TGPL theo mô hình hỗn hợp. Hiện nay hoạt động TGPL được thực hiện chủ yếu bởi các Trung tâm TGPL Nhà nước, còn các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội nghề nghiệp tham gia TGPL tự nguyện trong phạm vi họ đăng ký với Nhà nước.

1.3. Các khái niệm cơ bản

1.3.1. Trợ giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý hay tiếng anh là “Legal aid” được sử dụng trên thế giới từ thế kỷ XV-XVI và phát triển từ giữa thế kỷ XIX đến nay [13, tr 109]. Ở Việt Nam, năm 1997, thuật ngữ này được sử dụng trong Quyết định số 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Luật TGPL năm 2006 có quy định “*TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL theo quy định của Luật này, giúp người được TGPL bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật*”. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Luật đã có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “trợ giúp pháp lý” dẫn đến hoạt động TGPL đang bị chệch hướng, chưa tập trung vào thực hiện vụ việc TGPL.

1.3.2. Người yếu thế

Về nguyên tắc, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, đều có cơ hội như nhau trong việc tiếp cận các thông tin, dịch vụ. Tuy nhiên, thực tế phản ánh rằng do các nguyên nhân như trình độ nhận thức, điều kiện kinh tế, khả năng tiếp cận pháp

luật... nên có những người thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, lựa chọn cách xử sự đúng đắn khi giải quyết tranh chấp và không có đủ chi phí để thuê luật sư để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật Việt Nam về trợ giúp pháp lý cho người yếu thế thì theo Điều 10 Luật TGPL 2006 và Điều 2 Nghị định 07/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và Điều 1 Nghị định 14/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 07/2007/NĐ-CP người yếu thế được trợ giúp pháp lý bao gồm những người sau:

Một là người nghèo

Hai là người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Ba là người già, người khuyết tật, trẻ em không nơi nương tựa cụ thể:

Bốn là nạn nhân bạo lực gia đình

Trong bối cảnh các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp, pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến ngày càng có nhiều diện người trong xã hội không có khả năng thuê luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quy định về người được TGPL hiện hành còn tản mạn trong nhiều văn bản khác nhau. Hơn nữa, Luật TGPL cũng như Nghị định hướng dẫn bộc lộ một số bất cập và chưa bao quát hết nội dung Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Liên hợp quốc mà Việt Nam tham gia theo hướng nếu người nào không có điều kiện chi trả cho sự giúp đỡ pháp lý thì sẽ nhận được sự TGPL theo chỉ định và không phải trả tiền cho sự trợ giúp đó (Khoản 3d Điều 14).

1.4. Vai trò của pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế

1.4.1. TGPL nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận với pháp luật cho nhóm người yếu thế

TGPL được coi là một trong những hình thức giúp đỡ pháp luật, thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng để giúp đỡ những người yếu thế, đưa pháp luật đến gần hơn với họ, giúp họ nắm vững và hiểu đúng được những quy định pháp luật. Nói cách khác, với hoạt động này, Nhà nước đã trao cho nhóm người yếu thế cơ hội được tiếp cận các dịch vụ pháp lý một cách công bằng với những người khác trong xã hội. Từ đó, người yếu thế biết cách xử sự cho phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

1.4.2. TGPL giúp nhóm người yếu thế bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp

Phần lớn nhóm người yếu thế hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên khó có thể tự bảo vệ quyền lợi của mình và nhiều khi phải chịu thiệt thòi là điều tất yếu. Để khắc phục được điều này, hoạt động TGPL ra đời đã tạo ra cơ chế bảo đảm quyền lợi cho những đối tượng yếu thế.

1.4.3. TGPL góp phần ổn định trật tự xã hội

Trong xã hội hiện đại, TGPL là hoạt động của Nhà nước và xã hội để ổn định tâm lý và đời sống của người yếu thế, tạo lòng tin của người dân vào Nhà nước và pháp luật, giúp người dân và các cơ quan nhà nước nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, từ đó góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng, góp phần tích cực xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1.4.4. TGPL là một hình thức hiện thực hóa quyền con người

Nhóm người yếu thế được coi là nhóm người dễ bị tổn thương, do đó họ có quyền được trợ giúp pháp lý để nâng cao hiểu biết pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính bản thân họ hay nói cách thực hiện tốt chính sách trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế là một hình thức hiện thực hóa quyền con người.

1.5. Nội dung pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở Việt Nam

1.5.1. Các hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý

Hiện nay, theo quy định về hình thức tại Điều 27 và Điều 31 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006, theo đó các hình thức TGPL bao gồm: tư vấn pháp luật; tham gia tố tụng; đại diện ngoài tố tụng; các hình thức TGPL khác. Bốn hình thức TGPL này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh pháp luật thời điểm đó, khi mà luật về phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở chưa được ban hành. Tuy nhiên cho đến nay, các hình thức TGPL có phần dàn trải và trùng lặp với các hoạt động theo Luật phổ biến giáo dục pháp luật và Luật hòa giải ở cơ sở.

1.5.2. Chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý

Chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế bao gồm tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL

1.5.2.1. Tổ chức thực hiện TGPL

Ở Việt Nam, tổ chức thực hiện TGPL nói chung và cho nhóm người yếu thế nói riêng gồm Trung tâm TGPL Nhà nước và các tổ chức tham gia TGPL [18, Điều 13]. Trung tâm TGPL Nhà nước do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Trung tâm TGPL Nhà nước là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Tổ chức tham gia

TGPL bao gồm tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp [18, Điều 13].

1.5.2.2. Người thực hiện TGPL

Về người thực hiện trợ giúp pháp lý, pháp luật hiện hành quy định người thực hiện TGPL bao gồm: trợ giúp viên pháp lý, luật sư, công tác viên, tư vấn viên pháp luật [18, Điều 20]. Nhìn chung, chủ thể thực hiện TGPL khá là đa dạng.

1.5.3. Lĩnh vực pháp luật được trợ giúp pháp lý

Nội dung, lĩnh vực cụ thể của hoạt động trợ giúp pháp lý được quy định cụ thể tại Điều 34 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP của Chính phủ như sau: Pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự; Pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự; Pháp luật về hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em; Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính; Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng; Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm; Pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội; Các lĩnh vực pháp luật liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Kết luận chương 1

Lịch sử phát triển hoạt động TGPL trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã khẳng định được vai trò, tầm quan trọng của hoạt động này trong việc giúp đỡ pháp lý cho những người yếu thế với mục tiêu là tạo điều kiện cho những người yếu thế trong xã hội được nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, góp phần bảo đảm công lý và công bằng xã hội. Hoạt động này thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhóm người yếu thế, bảo đảm công bằng cho mọi tầng lớp trong xã hội được tiếp cận pháp luật.

Luật TGPL đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để hình thành và phát triển hệ thống TGPL. Tuy nhiên trong bối cảnh có sự thay đổi về thể chế, kinh tế - xã hội liên quan đến công tác TGPL thì hoạt động TGPL vẫn còn những hạn chế, bất cập về mặt pháp luật cần phải sửa đổi, điều chỉnh phù hợp so với tình hình mới hiện nay như về đối tượng người yếu thế được TGPL, người thực hiện, hình thức TGPL..

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

2.1. Đặc điểm tình hình chung của tỉnh Bắc Giang

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Bắc Giang là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Vị trí địa lý tỉnh Bắc Giang nằm ở tọa độ từ 21 độ 07 phút đến 21 độ 37 phút vĩ độ bắc; từ 105 độ 53 phút đến 107 độ 02 phút kinh độ Đông [29]; cách Thủ đô Hà Nội 50 km về phía Bắc, cách cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn) 110 km về phía Nam, cách cảng Hải Phòng hơn 100 km về phía Đông. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây và Tây Bắc giáp thành phố Hà Nội, Thái Nguyên, phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh. Bắc Giang hiện có 09 huyện và 01 thành phố, trong đó có 06 huyện miền núi và 01 huyện vùng cao (Sơn Động); 230 xã, phường, thị trấn (204 xã, 10 phường và 16 thị trấn) [29]. Địa hình Bắc Giang gồm 2 tiểu vùng: Miền núi và trung du có đồng bằng xen kẽ.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Bắc Giang hiện có 09 huyện và 01 thành phố, trong đó có 06 huyện miền núi và 01 huyện vùng cao (Sơn Động); 230 xã, phường, thị trấn (207 xã, 7 phường, và 16 thị trấn) trong đó có 37 xã nghèo, đặc biệt khó khăn. Đến hết năm 2014, dân số toàn tỉnh Bắc Giang ước là 1.624.456 người, mật độ dân số bình quân là 420,9 người/km² [29], là tỉnh có mật độ dân số bình quân cao hơn so với mật độ dân số bình quân cả nước. Theo số liệu thống kê năm 2014, dân số toàn tỉnh Bắc Giang có trên 1,6 triệu người, bao gồm 21 thành phần dân tộc, trong đó có 20 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS) với số dân là 200.538 người, chiếm 12,4% dân số toàn tỉnh. Đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tập trung ở 105 xã, thị trấn thuộc 6 huyện miền núi, vùng cao: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Tân Yên. Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện có 78.389 hộ nghèo, 21.490 gia đình liệt sỹ, 10.790 thương binh, 24 bà mẹ Việt Nam anh hùng và 5.183 người nhiễm chất độc hoá học do chiến tranh để lại [29].

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở tỉnh Bắc Giang

2.2.1. Về xây dựng và cụ thể hóa các văn bản pháp luật của tỉnh Bắc Giang về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế

Ngay sau khi Luật TGPL năm 2006 có hiệu lực và để Luật TGPL được thi hành đồng bộ, đảm bảo đi vào cuộc sống; căn cứ Chỉ thị số 35/2006/CT-TTg ngày 15/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật TGPL; Quyết định số 08/2006/QĐ-BTP ngày 15/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch của ngành Tư pháp thực hiện Chỉ thị số 35/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành một số văn bản để triển khai. Các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý của tỉnh Bắc Giang đã phần nào thể hiện sự quan tâm của tỉnh đến công tác TGPL với các quy định chủ yếu về cơ cấu tổ chức, bộ máy và triển khai hoạt động TGPL theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2.2.2. Về nhóm người yếu thế được TGPL

Số liệu người yếu thế được TGPL từ năm 2009 đến năm 2015, cụ thể như sau: Người nghèo: 9.306 lượt người; Người dân tộc thiểu số: 1.716 lượt người; Người già cô đơn không nơi nương tựa: 163 lượt người; Trẻ em không nơi nương tựa: 62 lượt người; Người khuyết tật: 54 lượt người; Phụ nữ bạo lực gia đình: 07 lượt người [26]. Qua số liệu này, có thể nhận thấy TGPL ở tỉnh Bắc Giang là địa chỉ tin cậy của nhóm người yếu thế khi họ cần giúp đỡ để biết pháp luật, tự tin để lựa chọn cách ứng xử phù hợp với pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của bản thân, gia đình, Nhà nước và xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, áp dụng Luật TGPL vào thực tiễn cuộc sống tỉnh Bắc Giang gặp phải một số vấn đề khó khăn và bất cập.

2.2.3. Về chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế

2.2.3.1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

Cho đến nay, Trung tâm có 26 biên chế trong đó có 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ (Phòng Hành chính – Tổng hợp, Phòng Pháp luật Hình sự - Hành chính, Phòng Pháp luật Dân sự - đất đai, Phòng Pháp luật Lao

động – xã hội) và 03 chi nhánh (Chi nhánh TGPL số 1 có trụ sở tại Thị trấn Chũ – huyện Lục Ngạn; Chi nhánh TGPL số 2 có trụ sở tại Thị trấn Cao Thượng – huyện Tân Yên; Chi nhánh TGPL số 3 có trụ sở tại Thị trấn An Châu – huyện Sơn Động). Tuy nhiên bộ máy tổ chức lãnh đạo các Chi nhánh, Phòng của Trung tâm chưa được kiện toàn đầy đủ, chưa có đầu mối chịu trách nhiệm của từng bộ phận.

Về tổ chức tham gia TGPL, hiện nay tỉnh Bắc Giang có 14 tổ chức hành nghề luật sư, trong đó 06 tổ chức văn phòng luật sư đăng ký tham gia TGPL và 02 Trung tâm tư vấn pháp luật tham gia TGPL đó là: Trung tâm tư vấn pháp luật Hội luật gia tỉnh, Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh [26]. Trong những năm qua, các tổ chức này tham gia TGPL hoạt động chưa ổn định, chưa cao vì tham gia hoạt động TGPL còn mang tính tự phát, dựa trên cơ sở tự nguyện và chưa có cơ chế khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư tham gia vào công tác TGPL nên số lượng tham gia khiêm tốn.

2.2.3.2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý

a) Trợ giúp viên pháp lý

Tại Trung tâm TGPL tỉnh Bắc Giang, trợ giúp viên pháp lý thực hiện hình thức tham gia tổ tụng từ năm 2008. Số liệu tham gia tổ tụng của trợ giúp viên tính đến nay là: 193 vụ [29]. So với nhu cầu cần được TGPL của nhóm người yếu thế thì lực lượng trợ giúp viên còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Tuy con số tham gia tổ tụng còn khiêm tốn, song đây cũng là một kết quả đáng khích lệ bởi nhìn chung, các vụ việc tham gia tổ tụng của trợ giúp viên pháp lý trong thời gian qua đều có sự đầu tư thời gian tìm hiểu, nghiên cứu, đưa ra căn cứ pháp lý trong luận cứ, lập luận chặt chẽ có tính thuyết phục, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người được bào chữa, đúng tội, đúng pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động TGPL trong tổ tụng của Trợ giúp viên pháp lý thời gian qua cũng còn những tồn tại, hạn chế về kỹ năng và kinh nghiệm tham gia tổ tụng của Trợ giúp viên pháp lý; số lượng vụ việc tham gia tổ tụng của Trợ giúp viên pháp lý trong thời gian qua còn thấp so với số lượng án có liên quan đến người được TGPL phải giải quyết hàng năm của các cơ quan tiến hành tố tụng; chất lượng vụ việc TGPL trong tổ tụng chưa đồng đều, số lượng vụ việc có chất lượng cao, giải quyết các vấn đề phức tạp, điển hình còn ít; đội ngũ TGPL phát triển chậm...

b) Đội ngũ cộng tác viên

Đội ngũ cộng tác viên TGPL hiện tại của Trung tâm có 40 người [29] trong đó có 22 luật sư, số còn lại là các cán bộ, công chức tại các sở, ban ngành của thành phố

và ở cấp huyện. Đội ngũ luật sư cộng tác viên là lực lượng quan trọng hỗ trợ hoạt động TGPL nhất là hình thức tham gia tố tụng. Đây là thế mạnh của luật sư cộng tác viên mà các nhóm cộng tác viên khác không có được.

Các vụ việc TGPL do các cộng tác viên đặc biệt là luật sư thực hiện là 744 vụ việc [29] và hầu hết đều đạt được hiệu quả, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định pháp luật, bảo vệ tốt các quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng được TGPL. Tuy nhiên số cộng tác viên tham gia TGPL trên thực tế không nhiều, chất lượng công tác TGPL của một số cộng tác viên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra, cụ thể: Số lượng luật sư là cộng tác viên tham gia thực hiện TGPL của Nhà nước không nhiều chủ yếu là luật sư mới hành nghề, chưa nhiều kinh nghiệm; Nhận thức của luật sư về vị trí, vai trò trong thực hiện TGPL còn hạn chế, Công tác TGPL chưa thực sự thu hút được nhiều luật sư có nhiều kinh nghiệm hành nghề tham gia; chưa có cơ chế vinh danh, khen thưởng cho những luật sư tham gia thực hiện TGPL tâm huyết, nhiệt tình và đạt kết quả cao hàng năm.

2.2.4. Về hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang chủ yếu thực hiện TGPL cho nhóm người yếu thế bằng hình thức tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL. Theo số liệu báo cáo thống kê 11.108 vụ việc TGPL được thực hiện kể từ ngày 1/1/2009 đến 31/12/2015, tư vấn pháp luật chiếm nhiều nhất: 10.248 vụ việc, kế tiếp là tham gia tố tụng: 860 vụ án. Số vụ việc tư vấn tại trụ sở của trung tâm là: 1132 vụ việc; tại trụ sở các chi nhánh của Trung tâm là: 1795; số vụ việc tư vấn tại các đợt TGPL lưu động là 7.321 [29]. Phân theo lĩnh vực TGPL thì số vụ việc yêu cầu TGPL trong lĩnh vực đất đai với 3.021 vụ việc, chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là lĩnh vực pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng, lĩnh vực TGPL chiếm tỷ lệ thấp nhất là lao động, việc làm, bảo hiểm [29].

Thông qua các hoạt động TGPL, tư vấn pháp luật miễn phí lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL, trong khoảng 10 năm hoạt động TGPL ngày càng được mở rộng, vươn dần tới tận các làng, xóm, thôn, bản với mong muốn giúp cho nhóm người yếu thế tiếp cận pháp luật thuận lợi, được giải đáp những vướng mắc về pháp lý nhằm góp phần giải tỏa nhiều tranh chấp bất đồng trong cộng đồng dân cư, góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên trong thực tế vẫn tồn tại những bất cập khi triển khai áp dụng pháp luật.

2.2.5. Hoạt động đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý

Căn cứ vào Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, từ năm 2009 đến nay Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Bắc Giang mới chỉ tiến hành đánh giá chất lượng vụ việc ở hình thức tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng với mục đích học vụ việc chi trả tiền bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên thực hiện TGPL hoặc phụ cấp cho Trợ giúp viên thực hiện vụ việc, kết quả cụ thể là đã đánh giá được 508/597 vụ việc TGPL [26], còn 89 vụ việc chưa được đánh giá là do Luật sư cộng tác viên chưa chuyển hồ sơ vụ việc TGPL về Trung tâm, trong đó có 421/508 vụ việc TGPL đạt chất lượng tốt, 87/508 vụ việc TGPL đạt chất lượng; không có vụ việc TGPL nào không đạt chất lượng.

Ở Bắc Giang, việc đánh giá chất lượng vụ việc TGPL chưa được quan tâm đúng mức. Việc đánh giá còn mang tính hình thức chứ chưa phải là đánh giá để có thể phát hiện và điều chỉnh, khắc phục ngay các bất cập, vi phạm pháp luật hay vi phạm trách nhiệm, đạo đức ngay trong quá trình thực hiện TGPL. Hơn nữa, việc đánh giá chất lượng vụ việc TGPL mới chỉ được tiến hành đối với các vụ việc tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng mà chưa có đánh giá đối với vụ việc tư vấn pháp luật, hòa giải và do Trợ giúp viên thực hiện.

Kết luận chương 2

Mười năm là khoảng thời gian không dài, công tác TGPL vẫn còn là lĩnh vực tương đối mới nhưng đã có những chuyển biến nhất định trong nhận thức của xã hội về vai trò của hoạt động này.

Hoạt động TGPL cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cơ bản phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác. Công tác TGPL trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã trở thành cầu nối giữ chính quyền và nhân dân, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, tích cực tham gia xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội; góp phần ổn định tình hình chính trị xã hội. Công tác TGPL có tác động tích cực đến việc tổ chức thực hiện pháp luật để đưa pháp luật vào cuộc sống, nhất là đối với nhóm người yếu thế; góp phần đáng kể vào sự ổn định, phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, ban, ngành trong công tác này. Tuy nhiên vẫn có một số khó khăn và hạn chế trong quá trình thi hành pháp luật như: đối tượng TGPL, các hình thức thực hiện TGPL, nguồn nhân lực,....

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NHÓM NGƯỜI YẾU THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

3.1. Về quan điểm và phương hướng để nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế ở tỉnh Bắc Giang

3.1.1. Quan điểm

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về các chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách dân tộc và quan điểm về quyền con người, quyền công dân nhằm đảm bảo tiếp cận công lý công bằng, bình đẳng trước pháp luật cho các đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Đổi mới công tác TGPL phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, khoa học, toàn diện, khách quan; kế thừa những kết quả tích cực đã đạt được, khắc phục những hạn chế, bất cập.

- TGPL cho nhóm người yếu thế phải nhằm ổn định xã hội nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng. Thông qua các hoạt động TGPL cho nhóm người yếu thế nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật để từ đó góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- TGPL cho nhóm người yếu thế phải xuất phát từ yêu cầu nâng cao ý thức pháp luật cho người dân nói chung và nhóm người yếu thế nói riêng. Chỉ khi xuất phát từ lợi ích của người yếu thế, lấy lợi ích của người yếu thế làm trung tâm thì việc thiết kế các chính sách, xây dựng, sửa đổi các quy định pháp luật về TGPL sẽ trở nên thiết thực hơn.

3.1.2. Phương hướng chung

TGPL là một chính sách lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Qua những năm triển khai Luật và các văn bản pháp luật vào đời sống đã đáp ứng được nhu cầu TGPL của nhóm người yếu thế. Tuy nhiên, hiện nay bối cảnh đã thay đổi, đối tượng người yếu thế thuộc diện TGPL cũng có những xáo trộn. Vì thế, đổi mới công tác TGPL phải phù hợp với định hướng phát triển 03 trụ cột chính của Nhà nước và xã hội Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa như đã được khẳng định trong

Hiến pháp là kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và phát huy quyền dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế

3.2.1. Sửa đổi khái niệm về trợ giúp pháp lý

Theo tôi, khái niệm TGPL nên được hiểu như sau: Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

3.2.2. Sửa đổi, bổ sung đối tượng thuộc nhóm người yếu thế được trợ giúp pháp lý

Một là, bổ sung đối tượng yếu thế được TGPL bao gồm: người thuộc hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo; nạn nhân bạo lực gia đình không có khả năng thuê luật sư. *Hai là*, bỏ quy định về tiêu chí “cô đơn” và “không nơi nương tựa” của người già từ đủ 60 tuổi trở lên mới thuộc diện được TGPL. *Ba là*, đối với nhóm người dân tộc thiểu số nên quy định là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thay vì quy định thường trú như hiện nay để chính xác hơn và tránh trường hợp có hộ khẩu ở vùng đặc biệt khó khăn nhưng lại sinh sống ở nơi khác. *Bốn là*, nên quy định tất cả trẻ em, người khuyết tật được thụ hưởng hoạt động TGPL. Sự thay đổi này hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với pháp luật quốc tế và thực tiễn đã diễn ra.

3.2.3. Bổ sung tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý

Để đảm bảo chất lượng của việc cung cấp dịch vụ pháp lý, về mặt kinh nghiệm cũng như kỹ năng, bản lĩnh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý cần phải trải qua chế độ tập sự và kiểm tra tập sự nhằm khắc phục bất cập hiện nay về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của trợ giúp viên

3.2.4. Thu hẹp hình thức trợ giúp pháp lý

Luật TGPL sửa đổi nên quy định ba hình thức TGPL đó là: Tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và TGPL lưu động. Việc thu hẹp các hình thức này nhằm xác định nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động TGPL là giải quyết vụ việc TGPL cụ thể liên quan đến tranh chấp, vướng mắc pháp luật trực tiếp của người được TGPL.

3.2.5. Sửa đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý

Quy định người thực hiện TGPL bao gồm trợ giúp viên, luật sư cộng tác viên, tư vấn viên vì đội ngũ cộng tác viên là cán bộ, công chức ở các cơ quan ban ngành không phát huy vai trò trong hoạt động TGPL, đội ngũ này hoạt động còn mang tính chất hình thức.

3.2.6. Xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý công khai, minh bạch và hiệu quả

Thứ nhất, thành lập Hội đồng chuyên gia đánh giá chất lượng vụ việc TGPL, trực thuộc sự quản lý của Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp. Thành viên của hội đồng là các chuyên gia pháp lý, luật sư giàu kinh nghiệm thực tiễn và uy tín.

Thứ hai, nội dung đánh giá được tiến hành từ thời điểm có yêu cầu TGPL đến khi hoàn tất vụ việc TGPL mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào.

3.3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý cho nhóm người yếu thế tại tỉnh Bắc Giang

3.3.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy

Thứ nhất, kiện toàn, bổ sung thêm 01 Phó giám đốc Trung tâm; kiện toàn lãnh đạo 04 Phòng, 01 Chi nhánh thuộc Trung tâm, bảo đảm về năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Trung tâm;

Thứ hai, xây dựng đội ngũ người thực hiện TGPL trên địa bàn tỉnh; lựa chọn đội ngũ viên chức giúp việc cho Trợ giúp viên có đủ tiêu chuẩn cử đi đào tạo nghề Luật sư và tham gia lớp nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý để tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý chuyên sâu các lĩnh vực pháp luật.

3.3.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trợ giúp viên pháp lý

Chúng ta cần có những chính sách cụ thể để nâng cao số lượng lẫn chất lượng cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý thông qua các hoạt động như: đề ra các kế hoạch

ngắn hạn và dài hạn để có sự quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo những cán bộ có triển vọng, phát triển thành trợ giúp viên pháp lý; thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về TGPL...

3.3.3. Tăng cường khả năng tiếp cận hoạt động trợ giúp pháp lý của nhóm người yếu thế

Sửa đổi về trình tự, thủ tục thực hiện TGPL theo hướng đơn giản hóa thủ tục yêu cầu TGPL, giảm bớt khâu trung gian để tạo điều kiện thuận lợi đối với nhóm người yếu thế tiếp cận và thụ hưởng TGPL,

3.3.4. Đẩy mạnh công tác truyền thông pháp luật về trợ giúp pháp lý

Thứ nhất, tăng cường công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về TGPL, về quyền và nghĩa vụ của người được TGPL, về hệ thống tổ chức thực hiện TGPL sẵn có, về vai trò, ý nghĩa của công tác TGPL.

Thứ hai, huy động các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí, các tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn tỉnh tham gia vào công tác truyền thông để kịp thời thông tin các văn bản pháp luật về TGPL và các hoạt động TGPL trên địa bàn, nêu gương điển hình trong công tác TGPL.

3.3.5. Trung tâm Trợ giúp pháp lý cần chủ động đến với nhóm người yếu thế

Để tạo điều kiện cho nhóm người yếu thế được thụ hưởng dịch vụ này Trung tâm nên tiến hành nhiều đợt TGPL lưu động về cơ sở, người thực hiện TGPL hướng dẫn, giúp đỡ theo từng trường hợp cụ thể bảo đảm tính thiết thực, gần dân, tạo phương thức đưa pháp luật đến với người dân theo đúng những gì họ mong muốn.

3.3.6. Nâng cao nhận thức về Trợ giúp pháp lý

Đưa hoạt động TGPL gần dân, sát dân, tạo thuận lợi cho dân. Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tiếp cận và thụ hưởng hoạt động TGPL, phải đưa hoạt động TGPL đến với cơ ở nơi người dân sinh sống, làm ăn. Đồng thời tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp

luật có liên quan để nâng cao nhận thức của một số cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở và nhận thức của nhân dân nói chung về hoạt động trợ giúp pháp lý.

3.3.7. Nâng cao vai trò của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước và tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý

Thứ nhất, tham mưu với Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành cơ chế phối hợp giữa Trung tâm TGPL với các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể của địa phương trong triển khai các hoạt động TGPL tại cơ sở, kiến nghị trong quá trình thực hiện vụ việc TGPL; ...

Thứ hai, Trung tâm chủ động trong việc đào tạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ chức tham gia TGPL; thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình TGPL có hiệu quả, thiết thực; đổi mới cách thức tổ chức các đợt TGPL lưu động để thu hút sự tham gia đông đảo của người được TGPL tại địa phương.

3.3.8. Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong việc thực hiện hoạt động về trợ giúp pháp lý

Để đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm trong thực hiện pháp luật về TGPL, với trách nhiệm của mình Sở Tư pháp phải tiến hành một cách thường xuyên hoạt động kiểm tra đối với việc thực hiện hoạt động TGPL ở địa phương. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát phải gắn với việc kết luận đánh giá mức độ thực thi pháp luật, về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về TGPL tại địa phương.

3.3.9. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động Trợ giúp pháp lý

Theo tôi, đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa công tác TGPL nên theo hướng quy định các chế độ, chính sách ưu đãi để khuyến khích, thu hút các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư có uy tín, kinh nghiệm; các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, chính trị xã hội thực hiện TGPL. Việc thu hút các chủ thể thực hiện để người được TGPL có cơ hội sử dụng dịch vụ TGPL kịp thời.

Kết luận chương 3

Hoạt động TGPL cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang bên cạnh những thành tựu đạt được, còn tồn tại những hạn chế bất cập không chỉ về mặt pháp luật mà còn về thực tiễn. Để hoạt động này trở nên hiệu quả và phát huy vai trò hơn nữa trên thực tế thì cần phải có những giải pháp về phương hướng, quan điểm chỉ đạo và những giải pháp về mặt pháp luật cũng như thực tiễn, cụ thể như: mở rộng đối tượng thuộc nhóm người yếu thế được TGPL, xây dựng đội ngũ người thực hiện TGPL, ... sẽ góp phần khắc phục những khuyết điểm hiện tại đồng thời nâng cao chất lượng hiệu quả công tác TGPL trong thực tiễn.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, triển khai các giải pháp đổi mới nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, đưa công tác TGPL phát triển ổn định, bền vững, trong thời gian tới công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực TGPL có ý nghĩa rất quan trọng. Với tinh thần thực hiện việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về xã hội hóa hoạt động TGPL theo bước đi và lộ trình phù hợp, phát huy vai trò của TGPL trong đời sống xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp đã được xác định tại Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp. Đồng thời, trong giai đoạn này cần tập trung nguồn lực để tiếp tục cụ thể hóa tinh thần và nội dung các quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân,...

KẾT LUẬN

Nhà nước pháp quyền là một Nhà nước dân chủ, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế. Nhà nước đó không chỉ có một hệ thống pháp luật thống nhất, toàn diện, đồng bộ thể hiện ý chí của nhân dân lao động, phù hợp với điều kiện khách quan, mà còn phải đảm bảo cho hệ thống pháp luật đó đi vào cuộc sống, bảo đảm cho ý chí của nhân dân trở thành hiện thực. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật. Trợ giúp pháp lý rất cần thiết để giúp đỡ pháp lý cho nhóm người yếu thế nâng cao trình độ hiểu biết và ý thức pháp luật để họ thực hiện pháp luật, tự giải quyết những tranh chấp nhỏ trong cuộc sống, tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Việc nghiên cứu về hoạt động TGPL cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã phần nào phản ánh được thực trạng bất cập pháp luật cũng như khó khăn trong thực tiễn triển khai. Hoạt động TGPL cho nhóm người yếu thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cần được nâng cao, cải thiện hơn nữa về mặt chất lượng, để đóng góp một phần vào hoạt động TGPL nói chung. Để đạt được điều này, tỉnh Bắc Giang cần có những giải pháp đồng bộ và sự chung tay của các cấp, ngành và cá nhân mỗi người.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị khóa IX, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị khóa IX, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2013), Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý (Tập 1), NXB Hồng Đức, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2013), Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/1/2013 của Bộ Tư pháp về Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.
5. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao (2013), Thông Tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.
6. Bộ Tư pháp, Ủy ban dân tộc (2012), Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17 tháng 1 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số.
7. Chính phủ (2007), Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/1/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.
8. Chính phủ (2014), Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/2/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/1/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.
9. Chính phủ (2008), Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.
10. Công ước về các quyền dân sự, chính trị của Liên hợp quốc năm 1966.
11. Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên hợp quốc năm 1989

12. Cục Trợ giúp pháp lý, 10 năm hoạt động Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam hướng phát triển, Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp

13. Cục Trợ giúp pháp lý, Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Trợ giúp pháp lý tập 1, NXB Hồng Đức

14. Cục Trợ giúp pháp lý, Tài liệu hội nghị về Dự thảo Đề án đổi mới công tác Trợ giúp pháp lý năm 2014

15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), Bộ luật Tố tụng hình sự.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp năm 2013, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Luật Luật sư năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2012

18. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006.

19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Bộ luật Dân sự năm 2005.

20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Người khuyết tật năm 2010.

21. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

23. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

24. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 phê duyệt Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025.

25. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020

26. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang, Báo cáo kết quả hoạt động trợ giúp pháp lý năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.

27. Trần Huy Liệu, Những mô hình trợ giúp pháp lý và bài học kinh nghiệm thực hiện trợ giúp pháp lý cho phụ nữ.

26. UBND tỉnh Bắc Giang (2015), Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai Đề án đổi mới công tác Trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

27. UBND tỉnh Bắc Giang (1999), Quyết định số 06/1999/QĐ-UB ngày 04/3/1999 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

28. UBND tỉnh Bắc Giang (2014), Báo cáo số 07/BC-UBND ngày 24/3/2015 kết quả 8 năm triển khai thi hành Luật trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

29. UBND tỉnh Bắc Giang, Tổng quan về Bắc giang, truy cập ngày 17/9/2016 tại địa chỉ <http://www.bacgiang.gov.vn/tong-quan-bac-giang/>

30. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1998), Mô hình tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

31. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: Luận cứ khoa học và thực tiễn xây dựng Pháp lệnh TGPL, Hà Nội, 2004.